

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/QĐXX-ST ngày 08/6/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: thôn Đ, phường N, thị xã N, Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Nhật T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: 18/3 L, phường H, thành phố T, Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 16/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (T) và ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, Phú Yên vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông T không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, bà đã về Khánh Hòa sống từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Nhật Anh K, sinh ngày 26/11/2012. Hiện con đang sống với ông T. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con nên bà không yêu cầu được nuôi con mà chấp nhận giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1 tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, về con chung: giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành; về tài sản chung: không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Nhật T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Hồ Thị T và bị đơn ông Trần Nhật T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H,

thành phố T, Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, vào ngày 26/8/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn như đương sự trình bày; vợ chồng đã sống ly thân và bà T đã về Khánh Hòa sống từ tháng 01/2018 cho đến nay. Xét thấy: Việc bà T và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: có 01 con chung là Trần Nhật Anh K, sinh ngày 26/11/2012. Hiện con đang sống với ông Trần Nhật T. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con nên giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Hồ Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con trưởng thành nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Hồ Thị T được ly hôn ông Trần Nhật T.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Trần Nhật Anh K, sinh ngày 26/11/2012 cho bị đơn ông Trần Nhật T trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn bà Hồ Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 07/2018 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Hồ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009927 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
 - Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
 - Các đương sự;
 - UBND phường 2, Tuy Hòa;
- (Giấy CNKH số 52, ngày 26/8/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trọng Khá

Lương Công Hạnh

Trần Lê Mai